

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2021/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2021-2022 của tỉnh Ninh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2021-2022 của tỉnh, Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2021-2022 của tỉnh Ninh Bình cụ thể như sau:

1. Quy định mức học phí

a) Mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

STT	Bậc học	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn		Khu vực miền núi
			Vùng Đồng bằng	Vùng các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn	
1	Mầm non				
a	Nhà trẻ	135.000	85.000	57.000	57.000
b	Mẫu giáo	113.000	73.000	51.000	51.000
2	Trung học cơ sở	107.000	57.000	39.000	39.000
3	Trung học phổ thông	130.000	85.000	51.000	51.000

b) Mức học phí đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên: Được áp dụng mức học phí tương ứng với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ngoài công lập: Các đơn vị được tự quyết định mức học phí trên cơ sở cân đối đảm bảo chi phí giảng dạy, học tập.

2. Quy định về khu vực

a) Khu vực thành thị

Học sinh có hộ khẩu thường trú tại phường: Tân Thành, Nam Thành, Vân Giang, Ninh Phong, Nam Bình, Thanh Bình, Ninh Khánh, Phúc Thành, Đông Thành, Ninh Sơn, Bích Đào của Thành phố Ninh Bình.

b) Khu vực nông thôn

Đối với thành phố Ninh Bình: học sinh có hộ khẩu thường trú tại xã Ninh Tiến, xã Ninh Phúc.

Đối với huyện Hoa Lư: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã: Ninh An, Ninh Giang, Ninh Khang, Ninh Mỹ và thị trấn Thiên Tôn.

Đối với huyện Gia Viễn: học sinh có hộ khẩu tại các xã: Gia Phú, Gia Thắng, Gia Tiến, Gia Tân, Gia Trung, Gia Phong, Gia Lạc, Gia Trán, Gia Xuân, Gia Lập và thị trấn Me.

Đối với huyện Yên Khánh: học sinh có hộ khẩu tại các xã: Khánh Hòa, Khánh Phú, Khánh An, Khánh Cư, Khánh Vân, Thị trấn Yên Ninh, Khánh Hải, Khánh Lợi, Khánh Tiên, Khánh Thiện, Khánh Hồng, Khánh Hội, Khánh Nhạc, Khánh Mậu, Khánh Cường, Khánh Trung, Khánh Thành, Khánh Công, Khánh Thủy.

Đối với huyện Yên Mô: học sinh có hộ khẩu tại các xã: Yên Hưng, Khánh Thịnh, Yên Từ, Khánh Dương, Yên Phong, Yên Nhân, Yên Mỹ và thị trấn Yên Thịnh.

Đối với huyện Kim Sơn: học sinh có hộ khẩu tại các xã: Văn Hải, Yên Lộc, Kim Chính, Kim Định, Như Hòa, Ân Hòa, Định Hóa, Thượng Kiệt, Đồng Hương, Chất Bình, Tân Thành, Hùng Tiến, Lưu Phương, Quang Thiện, Lai Thành, Hồi Ninh, Xuân Chính, Kim Đông, Cồn Thoi, thị trấn Bình Minh, thị trấn Phát Diệm.

c) Khu vực các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn: Kim Tân, Kim Mỹ, Kim Hải, Kim Trung của huyện Kim Sơn được áp dụng mức thu bằng mức thu của khu vực miền núi. Khi các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền công nhận lên phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới trong năm thì học sinh có hộ khẩu thường trú trên địa bàn các xã được áp dụng mức học phí khu vực miền núi đến hết năm; từ năm tiếp theo học sinh các xã này áp dụng mức học phí khu vực nông thôn.

d) Khu vực miền núi

Đối với thành phố Ninh Bình: học sinh có hộ khẩu thường trú tại xã Ninh Nhất.

Đối với huyện Hoa Lư: học sinh có hộ khẩu tại các xã: Ninh Vân, Ninh Thắng, Ninh Hải, Ninh Xuân, Trường Yên, Ninh Hòa.

Đối với huyện Gia Viễn: học sinh có hộ khẩu tại các xã: Gia Hòa, Gia Hưng, Liên Sơn, Gia Thịnh, Gia Vượng, Gia Minh, Gia Thanh, Gia Vân, Gia Phương, Gia Sinh.

Đối với huyện Nho Quan: học sinh có hộ khẩu tại các xã: Xích Thổ, Gia Sơn, Gia Thủy, Gia Tường, Đức Long, Gia Lâm, Lạc Vân, Phú Sơn, Thạch Bình, Đồng Phong, Lạng Phong, Văn Phong, Văn Phương, Yên Quang, Cúc Phương, Thượng Hòa, Văn Phú, Kỳ Phú, Phú Long, Phú Lộc, Quỳnh Lưu, Quảng Lạc, Sơn Hà, Sơn Lai, Sơn Thành, Thanh Lạc và thị trấn Nho Quan.

Đối với thành phố Tam Điệp: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các phường (xã): Bắc Sơn, Nam Sơn, Trung Sơn, Đông Sơn, Quang Sơn, Yên Bình, Yên Sơn, Tân Bình, Tây Sơn.

Đối với huyện Yên Mô: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã: Yên Hòa, Mai Sơn, Yên Thành, Yên Lâm, Yên Thái, Yên Thắng, Khánh Thượng, Yên Đồng, Yên Mạc.

3. Thời gian thu học phí

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên: Thu theo số tháng thực học.

b) Đối với cơ sở giáo dục phổ thông: Thu 09 tháng/năm học.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tư pháp, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tư pháp, Tài chính;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Website Chính phủ;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng